

Điểm chuẩn trường Đại học Đồng Nai năm 2018

Trường Đại học Đồng Nai được thành lập năm 1976, ban đầu có tên gọi là trường Sư phạm cấp 2 Đồng Nai theo quyết định của Bộ Giáo dục. Sứ mệnh của trường Đại học Đồng Nai là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng cao; nghiên cứu, triển khai và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa, sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai, khu vực Đông Nam bộ và cả nước.

Tên trường: Đại học Đồng Nai

Mã ngành: DNU

Địa chỉ: 4 Lê Quý Đôn, Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3894 457

Điểm chuẩn trường Đại học Đồng Nai năm 2018 như sau:

BẤM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-dai-hoc-dong-nai>

Tham khảo điểm chuẩn những năm trước:

Dữ liệu điểm chuẩn năm 2017 như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7140201	Giáo dục Mầm non	M00, M05	16	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00, A01, C00, D01	20.75	
3	7140209	Sư phạm Toán học	A00, A01	17	
4	7140211	Sư phạm Vật lý	A00, A01	15.5	
5	7140212	Sư phạm Hoá học	A00, B00, D07	15.75	
6	7140213	Sư phạm Sinh học	A02, B00	15.75	
7	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00, D01, D14	17	
8	7140218	Sư phạm Lịch sử	C00, D14	15.5	
9	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	A01, D01	19	
10	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01, D01	18	
11	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01	17	
12	7340301	Kế toán	A00, A01, D01	16.5	
13	51140201	Giáo dục Mầm non (hệ cao đẳng)	M00, M05	10	
14	51140202	Giáo dục Tiểu học (hệ cao đẳng)	A00, A01, C00, D01	17.5	
15	51140206	Giáo dục Thể chất (hệ cao đẳng)	T00, T04	---	
16	51140210	Sư phạm Tin học (hệ cao đẳng)	A00, A01, D01	---	
17	51140221	Sư phạm Âm nhạc (hệ cao đẳng)	N00, N01	---	

18	51140222	Sư phạm Mỹ thuật (hệ cao đẳng)	H00,	---	
19	51140231	Sư phạm Tiếng Anh (hệ cao đẳng)	A01, D01	10	

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018 của trường như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (theo ngành)	Nhóm ngành	Chỉ tiêu (nhóm ngành)
1	7140201	Giáo dục Mầm non (SP)	90	I	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học (SP)	105	I	
3	7140209	Sư phạm Toán học	30	I	
4	7140211	Sư phạm Vật lý	20	I	
5	7140212	Sư phạm Hóa học	20	I	365
6	7140213	Sư phạm Sinh học	20	I	
7	7140217	Sư phạm Ngữ văn	30	I	
8	7140218	Sư phạm Lịch sử	20	I	
9	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	30	I	
10	7220201	Ngôn ngữ Anh	150	VII	150
11	7340101	Quản trị kinh doanh	150	III	300
12	7340301	Kế toán	150	III	
13	51140201	Giáo dục Mầm non	70	I	
14	51140202	Giáo dục Tiểu học	60	I	
15	51140206	Giáo dục Thể chất	20	I	
16	51140222	Sư phạm Mỹ thuật	20	I	230
17	51140210	Sư phạm Tin học	20	I	
18	51140221	Sư phạm Âm nhạc	20	I	
19	51140231	Sư phạm Tiếng Anh	20	I	